

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1189** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Mai

2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Âu Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: 102/12/3 B, phường Phú T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đinh Ngọc Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: 102/12/3 B, phường Phú T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07-5-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Âu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Ngọc Đ tự nguyện chung sống năm 1985, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện Đức L, tỉnh Bình T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/05, quyển số 01 ngày 11-01-2005.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân nhân là do ông Đ suốt ngày say rượu, không chăm lo cho gia đình, bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên can nhưng ông Đ không thay đổi mà còn to tiếng với bà. Vợ chồng sống ly thân gần 03 năm. Vì tình nghĩa vợ chồng, con cái còn

nhỏ nên bà đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay thì bà không thể chấp nhận được nữa, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Đ có hai con chung tên Đinh Ngọc T, sinh ngày 27-4-1986 và Đinh Ngọc T, sinh ngày 26-11-1991. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do ông Đ vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông Đ vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Về quan hệ con chung: có hai con chung tên Đinh Ngọc T, sinh ngày 27/4/1986 và Đinh Ngọc T, sinh ngày 26/11/1991. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không giải quyết. Về tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/05, quyền số 01 ngày 11-01-2005 do Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận cấp cho bà T và ông Đ thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Đ có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Đ vẫn vắng

mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Đ không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các phiên hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T yêu cầu ly hôn do ông Đ thường xuyên uống rượu, không lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Đ không thay đổi mà còn to tiếng với bà. Theo xác minh tại địa phương thì thường ngày ông Đ cũng hay uống rượu. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà T và ông Đ đã có mâu thuẫn. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo hòa giải cho ông Đ tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên tòa hôm nay để tạo điều kiện hàn gắn nhưng ông Đ đều vắng mặt, điều đó thể hiện ông Đ hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Bà T và ông Đ có hai con chung tên Đinh Ngọc T, sinh ngày 27/4/1986 và Đinh Ngọc T, sinh ngày 26/11/1991. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà T và ông Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ghi nhận lời khai của bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011081 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Âu Thị T được ly hôn ông Đinh Ngọc Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Âu Thị T và ông Đinh Ngọc Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/05, quyền số 01 ngày 11/01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận cấp cho bà T và ông Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: có hai con chung tên Đinh Ngọc T, sinh ngày 27/4/1986 và Đinh Ngọc T, sinh ngày 26/11/1991. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà T xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Âu Thị T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011081 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Âu Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đinh Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND xã Đức T, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận ;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai

